TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/DS-PT
Ngày 31/8/2021
"Kiện đòi nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: ông Ngô Văn Thắng

bà Phạm Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: *"Kiện đòi nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất"*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2021/QĐXXPT-DS ngày 14/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐPT-DS ngày 14/5/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06A/2021/QĐPT-DS ngày 16/6/2021, Thông báo số: 08A/TB-TA ngày 05/7/2021, Thông báo số: 10/TB-TA ngày 12/7/2021,Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2021/QĐPT-DS ngày 22 /7/2021; Thông báo số: 67/TB-TA ngày 05/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 16/TB-TA ngày 18/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Lê Thị H; nơi ĐKHK: đội 7, thôn Thụy Ứng, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: tổ 2, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn*: anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H; cùng địa chỉ tại: tổ 2, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:

- Ông Lê Quang L– Luật sư, Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh

Quảng Ninh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Trà M – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Ông Đặng Hồng P – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Q Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lê Thị X; địa chỉ: tổ 2, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Văn phòng Công chứng G; địa chỉ: ô số 14 lô 1 quy hoạch khu đô thị Nam H, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện: bà Lương Thị T; địa chỉ: số nhà 238 Đồng Tâm, xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 30/6/2021, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

4. Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Quốc T và chị Hoàng Thị T; cùng địa chỉ: tổ 11, khu 9B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: tổ 7, khu Nam Trung, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

5. Người kháng cáo: bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H.

6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Bố mẹ tôi là ông Lê Xuân Đà và bà Nguyễn Thị Chản có 03 người con chung là Lê Thị X, Lê Văn H và Lê Thị H. Năm 2001, bố mẹ tôi ly hôn và chia tài sản chung, theo đó mẹ tôi được chia 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích 280m^2 đất tại tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 28/4/2006, mẹ tôi được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (viết tắt là UBND thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ116729, với diện tích đất 284,5 m^2 tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 109 thuộc tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Cuối năm 2012, mẹ tôi xây thêm 01 ngôi nhà 03 tầng (02 tầng, 01 tum, có sân thượng lợp mái tôn) bên cạnh ngôi nhà mái bằng cũ và cho vợ chồng anh H - chị H về ở nhờ, còn mẹ tôi vẫn ở ngôi nhà mái bằng cũ với vợ chồng tôi. Năm 2015, mẹ tôi bán một phần diện tích đất cho người khác. Ngày 24/7/2015, mẹ tôi được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 692921 đối với diện tích đất còn lại là 226,3m^2.

Ngày 16/5/2017, mẹ tôi chết. Tại buổi lễ cúng 100 ngày mẹ tôi, anh T(cháu ruột gọi mẹ tôi là cô) công bố di chúc của mẹ tôi lập ngày 13/4/2017, tại Văn phòng Công chứng G và giao cho chị em chúng tôi.

Di chúc lập ngày 13/4/2017 của mẹ tôi có nội dung chính như sau: cho vợ chồng anh H - chị H tổng số tiền 447.000.000 đồng (là số tiền mẹ tôi đã cho anh H– chị H vay và vay hộ anh Hải từ trước khi mẹ tôi lập di chúc); cho tôi ngôi nhà mới xây nằm trên diện tích đất 90,7m^2 mà vợ chồng anh H - chị H đang ở; cho chị X diện tích đất và tài sản trên đất còn lại. Sau ngày giỗ đầu của mẹ tôi, vợ chồng anh H - chị H có trách nhiệm thu dọn đồ đạc và bàn giao lại nhà đất cho tôi; tôi và chị X có nghĩa vụ trả nợ một số khoản nợ cho mẹ tôi.

Ngày 20/01/2020, tôi được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 000827 đối với diện tích đất 90,7m^2 do mẹ tôi để lại cho tôi theo di chúc. Chị Xđược cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại 100,9m^2, sau khi thống nhất trừ đi lối đi chung.

Đến nay gia đình anh H– chị H vẫn ở trên nhà đất của tôi được hưởng theo di chúc của mẹ tôi, nên tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh H - chị H phải trả cho tôi ngôi nhà 03 tầng (02 tầng, 01 tum, có sân thượng lợp mái tôn) nằm trên diện tích đất 90,7m^2 tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 149; địa chỉ: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đối với phần nhà cấp 4 của chị X nằm trên 1,3m^2 đất của tôi, tôi và chị X tự giải quyết, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chúng tôi thừa nhận quá trình sinh sống, ly hôn và phân chia tài sản chung giữa bố mẹ chúng tôi như chị H trình bày nêu trên. Đối với ngôi nhà chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chúng tôi trả nhà cho chị H là do vợ chồng chúng tôi xây, mẹ tôi (H) chỉ hỗ trợ cho vợ chồng chúng tôi xây nhà, cụ thể số tiền hỗ trợ bao nhiêu thì chúng tôi không biết vì mẹ tôi (H) không đưa tiền mặt trực tiếp cho tôi (H) mà thanh toán tiền một số hóa đơn vật tư, các giấy tờ này hiện nay chị X và chị H đang giữ. Chúng tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án hủy bản di chúc của mẹ tôi (H) vì di chúc được lập trong khi mẹ tôi (H) đang nằm viện, không minh mẫn, sáng suốt, không ký nên không hợp lệ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố H đã cấp cho chị H và chị X. Sau đó, anh H và chị H thay đổi quan điểm đề nghị: Nếu chị H muốn chúng tôi trả lại nhà thì chị H phải thanh toán cho chúng tôi 250.000.000 đồng theo di chúc và 250.000.000 đồng tiền xây nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H và chị H , thay đổi quan điểm: Yêu cầu chị Hphải trả 300.000.000 đồng tiền vợ chồng chúng tôi đã bỏ ra xây nhà, chị Hvà chị X phải để ra 1/3 diện tích đất của mẹ chúng tôi để làm nơi thờ cúng mẹ chúng tôi và đứng tên chung.

** Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị X trình bày:* thừa nhận quá trình sinh sống, ly hôn, phân chia tài sản chung giữa bố mẹ tôi và việc mẹ tôi để lại di chúc định đoạt tài sản, nghĩa vụ về tài sản của mẹ tôi

cho tôi, vợ chồng anh H– chị H và chị H như chị H đã trình bày nêu trên. Sau khi mẹ tôi mất, tôi đã thực hiện di chúc của mẹ tôi và tôi đã làm thủ tục và được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần tài sản mẹ tôi để lại cho tôi theo di chúc. Việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H - chị H trả lại ngôi nhà mà mẹ tôi để lại cho chị H theo di chúc là đúng. Tôi không chấp nhận quan điểm của anh H– chị H về việc yêu cầu tôi và chị Hphải để ra 1/3 diện tích đất của mẹ tôi để lại cho tôi và chị Hđể làm nơi thờ cúng mẹ tôi, vì hai chị em tôi vẫn đang thờ cúng mẹ.

** Trong quá trình tố tụng người làm chứng trình bày:*

- Anh Nguyễn Quốc T và chị Hoàng Thị T trình bày: bà Chản là cô ruột của tôi (T). Ngày 13/4/2017, chúng tôi đến Bệnh viện Bãi Cháy thăm bà Chản đang điều trị ung thư phổi, bà Chản nhờ chúng tôi đưa đến Văn phòng Công chứng G để lập di chúc. Chúng tôi không biết nội dung cụ thể bản di chúc của bà Chản. Hôm đó bà Chản tỉnh táo, minh mẫn, sáng suốt và đi lại bình thường (bà Chản minh mẫn đến ngày gần mất). Đến ngày 24/8/2017, là lễ cúng 100 ngày của bà Chản, chúng tôi nói với mọi người là bà Chản có để lại di chúc và giao cho chúng tôi quản lý giúp bà Chản. Sau đó, tôi (T) công bố công khai di chúc cho tất cả mọi người trong gia đình bà Chản cùng nghe. Tôi (T) giao cả phong bì trong đó có bản di chúc cho mọi người trong gia đình, gồm 06 người: chị H, anh Nguyễn Văn L (chồng chị H), chị X, vợ chồng anh H - chị H và ông Lê Xuân Đà (chồng cũ của bà Chản). Chúng tôi không có bất kỳ lợi ích vật chất nào với gia đình bà Chản, mà do có quan hệ họ hàng nên chúng tôi thường xuyên đến thăm và được bà Chản tin cậy, nhờ giúp.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: ngày 13/4/2017, bà Chản đến Văn phòng Công chứng G xuất trình đầy đủ hồ sơ hợp lệ, tôi (công chứng viên) tiến hành lập di chúc cho bà Chản theo đúng ý nguyện của bà Chản và trình tự, thủ tục lập di chúc do pháp luật quy định. Việc bà Chản không ký mà điểm chỉ bằng ngón trỏ trái trước mặt Công chứng viên là do bà Chản trình bày bị đau bàn tay phải không viết, không ký được và yêu cầu được điểm chỉ bằng ngón trỏ trái. Vì vậy, di chúc của bà Chản là hợp pháp.

**Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ:*

Tại văn bản số: 1296/BVBC-KHTH ngày 22/10/2020 của Bệnh viện Bãi Cháy thể hiện: bà Nguyễn Thị Chản vào viện điều trị ung thư phổi từ ngày 27/3/2017 đến ngày 20/4/2017. Sau 25 ngày điều trị, bệnh nhân ổn định dần, tỉnh, đi lại được, các chỉ số sinh tồn nằm trong giới hạn bình thường và được xuất viện. Ngày 13/4/2017, trong hồ sơ bệnh án ghi nhận: bệnh nhân tỉnh, đỡ đau đầu, thể trạng kém, còn liệt nhẹ ½ người phải, cơ lực 4/5 (bút lục 307).

Tại Văn bản ngày 05/10/2020 và ngày 25/11/2020 của Văn phòng Công chứng G thể hiện: ngày 13/4/2017, bà Chản đến Văn phòng Công chứng G lập bản di chúc để lại tài sản cho các con trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt và tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc thể hiện đúng ý chí và nguyện vọng của bà Chản. Văn phòng Công chứng G

đã tiến hành công chứng di chúc của bà Chản theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Tại văn bản số: 726/UBND ngày 09/9/2020 của UBND thành phố H thể hiện: Nguồn gốc đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị X và chị H hiện nay, trước đây do người Hoa để lại, sau đó ông Đà và bà Chản quản lý, sử dụng. Sau khi ly hôn, bà Chản lập di chúc để lại nhà đất cho các con là chị X và chị H sử dụng là phù hợp với quy hoạch về đất ở; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Chản và sau này để lại cho các con đã cập nhật có công trình nhà B2 và nhà G trên sơ đồ.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020, thể hiện tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất 90,7m^2 (thửa đất số 208) gồm có 03 công trình:

* Nhà ký hiệu b3: là ngôi nhà 3 tầng (bao gồm: 02 tầng, 01 tum liền với sân thượng lợp mái tôn), có tổng diện tích sử dụng là 136,1m^2 nằm trên diện tích đất 36,8m^2 của thửa đất số 208. Ngôi nhà này do anh H– chị H đang quản lý, sử dụng.

* Nhà ký hiệu g2: là ngôi nhà có tổng diện tích sử dụng là 61,4m^2 nằm trên diện tích đất 19,3m^2 của thửa đất số 208 và nằm trên diện tích đất 11,4m^2 của thửa đất số 209 (thửa đất số 209 do chị Lê Thị X đang quản lý, sử dụng).

* 01 phần của nhà ký hiệu g1: là ngôi nhà cấp 4 lợp mái ngói có diện tích sử dụng là 12m^2 (ngôi nhà này chỉ nằm trên diện tích đất 1,3m^2 của thửa đất 208).

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 185, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, điểm a khoản 1 Điều 107, Điều 149, khoản 3 Điều 150, Điều 151, khoản 1 Điều 154, các điều 158, 164, 166, 627, 628, 630, 631, 635, 636 và 643 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 4, 5, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 56 của Luật công chứng năm 2014; các điều 4, 5, 6, 9 và 10 Luật nhà ở năm 2014; khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Lê Thị H.

2. Buộc anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả lại cho chị Lê Thị H ngôi nhà 03 tầng (gồm: 02 tầng và 01 tum có sân thượng lợp mái tôn), có tổng diện tích là 136,1 m^2 gắn liền trên diện tích đất 36,8m^2, nằm trong thửa đất số 208 diện tích 90,7m^2, tờ bản đồ số 149, tại: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có tứ cận: phía Bắc giáp đất của ông Lê Xuân Đà; phía Nam giáp ngõ chung; phía Đông giáp ngôi nhà chị H đang ở; phía Tây giáp ngõ xóm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 000827 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày

20/01/2020 cho chị Lê Thị H.

Toàn bộ kích thước, vị trí và diện tích ngôi nhà gắn liền với đất được mô tả chi tiết theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 06/10/2020 kèm theo Bản án và đây là phần không tách rời của Bản án này.

3. Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

- Ngày 09/02/2021, bị đơn anh H và chị H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: bản án quyết định không có căn cứ, không đúng pháp luật đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh H và chị H đối với ngôi nhà 03 tầng tại tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H.

- Ngày 09/02/2021,Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm về xác định quan hệ pháp luật và áp dụng pháp luật; về án phí; về nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị Trà M và ông Đặng Hồng P, trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: xác định quan hệ tranh chấp sai, bản án sơ thẩm xem xét di chúc và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị H và chị X thì phải xác định Văn phòng Công chứng G và UBND thành phố H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên; xác định tranh chấp nhà đất phải có thủ tục hòa giải; yêu cầu phản tố của bị đơn không được xem xét; đơn khởi kiện chị H yêu cầu vợ chồng anh H trả lại ngôi nhà 01 tầng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, buộc vợ chồng anh Hải trả lại chị Hngôi nhà 03 tầng, vậy chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi ngôi nhà 03 tầng từ lúc nào? Việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm là trái quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bản án nhận định sai lệnh nên ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H và chị H . Tòa án cấp sơ thẩm nhận định di chúc hợp pháp, nhưng các đương sự đang tranh chấp về ngôi nhà 03 tầng, nhưng trong di chúc không có. Khi xem xét thẩm định không thể hiện có căn nhà 01 tầng trong di chúc, tức là đối tượng khởi kiện không có. Bản án sơ thẩm không đúng hướng dẫn của ngành Tòa án (cụ thể nếu nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện thì phải nhận định và đình chỉ trong bản án). Về biên bản nghị án: ghi là chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, nếu là chấp nhận đơn khởi kiện thì làm sao có ngôi nhà 03 tầng. Bản án sơ

thẩm nhận định di chúc hợp pháp, nhưng lại đưa bà Nguyễn Thị T là người làm chứng, là không đúng pháp luật. Điều 48 Luật công chứng quy định rất rõ việc điểm chỉ vào văn bản công chứng, nhưng trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện bà Chản bị khuyết tật, do đó lời giải thích của công chứng viên không đúng quy định. Điều 41 Luật công chứng quy định rõ người đi công chứng phải có những giấy tờ gì, thời điểm đó bà Chản đang thế chấp tài sản ở tổ chức tín dụng, nhưng công chứng viên không yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin. Về việc bà Chản có minh mẫn hay không thì đánh giá như sau: Hợp đồng tín dụng là vợ chồng chị Hvay, không phải bà Chản vay nhưng bà Chản lại thể hiện trong di chúc là bà Chản nợ tiền ngân hàng. Còn khoản bà Chản cho rằng anh Hải nợ bà Chản là phần anh Hải được chia là không xác thực. Còn về tài sản trên đất trong di chúc chỉ có ngôi nhà 01 tầng, không phải ngôi nhà anh H - chị H đang ở. Cần xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận của Ủy ban có đúng không? Việc đó phải xem xét đến di chúc có hiệu lực không? Việc khai nhận di sản của chị H, chị X là chỉ do hai chị khai nhận. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục đưa Văn phòng Công chứng G tham gia tố tụng nhưng không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự; lời khai của bà Thương tại Tòa án cấp phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Khẳng định bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không khắc phục được nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H nhất trí quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã trình bày, không bổ sung ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày kháng nghị (nội dung theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh).

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng G là bà Lương Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 01/7/2021, trình bày: Văn phòng Công chứng G đồng ý tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ngày 13/4/2017, bà Chản đến Văn phòng Công chứng G lập di chúc, do Công chứng viên Nguyễn Thị T giải quyết. Bà Chản đã cung cấp đầy đủ hồ sơ giấy tờ theo quy định pháp luật để lập di chúc và còn xuất trình bản dự thảo di chúc (bản viết tay) ghi rõ ý chí của bà Chản. Văn phòng Công chứng G đã công chứng di chúc của bà Chản đúng quy định tại Điều 2 Luật công chứng năm 2014; Công chứng viên thực hiện công chứng di chúc không vi phạm Điều 7 Luật công chứng năm 2014. Về nội dung di chúc đúng ý chí và nguyện vọng của bà Chản; tại thời điểm công chứng bà Chản hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe đọa, cưỡng ép, bà Chản đi lại bình thường và có năng lực hành vi dân sự; bà Chản đã thể hiện ý chí bằng việc điểm chỉ vào bản di chúc. Văn phòng Công chứng G đã tiến hành công chứng di chúc của bà Chản theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định tại các Điều 4, 5, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 56 của

Luật Công chứng năm 2014. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn chị Lê Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị X trình bày ý kiến: đều không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát vì trong bản di chúc mẹ chúng tôi ghi ngôi nhà 01 tầng hay 02 tầng chúng tôi không biết, di chúc không chia cho anh Hải bất động sản, chúng tôi đã thực hiện xong các nghĩa vụ về tài sản của mẹ để lại, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất được mẹ để lại, vợ chồng anh H cố tình không trả ngôi nhà cho tôi (H) nên tôi (H) khởi kiện đòi nhà đất là đúng. Viện kiểm sát kháng nghị là mâu thuẫn với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm.

- Bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H, đồng ý kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên bản án sơ thẩm có một số vi phạm như Viện kiểm sát đã kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn như quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày. Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Đơn kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H; quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

- Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Văn phòng Công chứng G tham gia tố tụng với tư cách là người là vi phạm Khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục. Văn phòng Công chứng G và các đương sự khác không bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp nên không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng G và người làm chứng bà Nguyễn Thị T, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

- Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn anh Lê Văn H tại đơn yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng G đề ngày 24/8/2021, Hội đồng xét xử xét thấy: để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ để đánh giá tính hợp pháp của bản di chúc nên đối với yêu cầu của bị đơn về việc tuyên bố văn bản công chứng là bản di chúc của bà Nguyễn Thị Chản lập ngày 13/4/2017, là vô hiệu đã được xem xét; đối với yêu cầu Văn phòng Công chứng G bồi thường 50.000.000 đồng do đã gây cho bị đơn anh Lê Văn Htổn thất về tinh thần và thời gian, là vượt quá giới hạn xét xử của cấp phúc thẩm nên không chấp nhận.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ông Lê Xuân Đà và bà Nguyễn Thị Chản, có 03 người con chung là Lê Thị X, Lê Văn H và Lê Thị H. Năm 2001, ông Đà và bà Chản ly hôn, chia tài sản chung. Bà Chản được chia 01 ngôi nhà mái bằng trên diện tích đất 280m^2 tại tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, ngày 28/4/2006, bà Chản được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ116729 đối với diện tích đất 284,5m^2 tại thửa đất số 52, tờ bản đố số 109 thuộc tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Cuối năm 2012, bà Chản xây thêm 01 ngôi nhà 03 tầng (02 tầng, 01 tum, có sân thượng lợp mái tôn) bên cạnh ngôi nhà cũ được chia khi ly hôn. Năm 2015, bà Chản bán một phần diện tích đất nêu trên cho người khác. Ngày 24/7/2015, bà Chản được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 692921, số vào sổ cấp GCN: CH03593 đối với diện tích đất còn lại 226,3m^2(viết tắt là GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản). Tại trang 3 - Phần III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của của GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản đã cập nhật có công trình nhà B2 và nhà G1.

Ngày 16/5/2017, bà Chản chết. Tại lễ cúng 100 ngày của bà Chản, Anh Nguyễn Quốc T (cháu gọi bà Chản là cô ruột) đã công bố bản di chúc của bà Chản lập ngày 13/4/2017 tại Văn phòng Công chứng G. Bản di chúc có một số nội dung chính sau đây:

- Giao nghĩa vụ cho người thừa kế:

+ Con gái Lê Thị X thu tiền thuê của 05 phòng trọ (bà Chản đang cho thuê) để trả nợ Ngân hàng SHB số tiền 110.000.000 đồng. Sau khi thực hiện xong việc trả nợ Ngân hàng SHB, con gái Lê Thị X được toàn quyền quản lý, sử dụng và

định đoạt các phòng trọ.

+ Con gái Lê Thị X và Lê Thị H cùng nhau trả, mỗi chị em chịu trách nhiệm trả ½ số tiền và vàng do bà Chản vay của một số cá nhân.

- **Phân định phần di sản cho từng người thừa kế** (trích theo di chúc của bà Chản):

"3. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ nêu trên, tài sản của tôi được phân chia như sau:

Thửa đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) theo GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản. Thông tin thửa đất như sau: Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 109 tại tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H; diện tích 226,3m^2. Tôi phân chia như sau:

a. Phần nhà đất cho con gái Lê Thị H: cho con Lê Thị H ngôi nhà 01(một) tầng mới xây nằm trên phần đất được xác định trong Bản đồ khảo sát hiện trạng xin tách thửa đo vẽ tháng 4/2017, cụ thể như sau:

- Diện tích sử dụng riêng 90,7m^2 (đất ở đô thị 70m^2, đất TCLN 20,7m^2);...

Hiện nay, trên phần đất này có ngôi nhà 1 tầng (chưa đăng ký quyền sở hữu). Sau khi tôi chết, bà Lê Thị H được toàn quyền làm các thủ tục pháp lý cần thiết để cấp GCNQSDĐ đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) được nêu trên. Bà Lê Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt....phần đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) nêu trên.

b. Phần đất cho con gái Lê Thị X:

Sau khi trừ đi diện tích đất (và ngôi nhà trên đất – chưa đăng ký quyền sở hữu) cho con Lê Thu H thì phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất theo GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản cho con gái Lê Thị X.

Sau khi tôi chết, bà Lê Thị X được toàn quyền làm các thủ tục pháp lý cần thiết để cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được nêu trên. Bà Lê Thị X được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt....phần đất nêu trên.

4. Phần tài sản cho con trai Lê Văn H: cho con Lê Văn H toàn bộ số tiền mà vợ chồng H đã vay của tôi, cụ thể: con trai Lê Văn H vay tôi 250 triệu đồng; tôi – Nguyễn Thị Chản đã vay Hội người cao tuổi 52.000.000 đồng để cho H sử dụng (H đã trả được 5.000.000 đồng); con dâu Nguyễn Thị H vay tôi 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 447.000.000 đồng.

...

Sau ngày giỗ đầu của tôi - Nguyễn Thị Chản, vợ chồng con trai Lê Văn H– Nguyễn Thị H có trách nhiệm thu dọn đồ đạc và bàn giao lại nhà đất cho con gái Lê Thị H"...

Khi được nghe anh T công bố di chúc anh H– chị H đã phản đối di chúc

nhưng không khởi kiện.

Thực hiện di chúc của bà Chản: chị X và chị H đã trả các khoản tiền bà Chản vay nợ cá nhân, tổ chức theo di chúc; ngày 25/12/2019, chị X và chị H đã đến Văn phòng Công chứng G lập Văn bản khai nhận di sản theo di chúc. Sau khi khai nhận di sản, chị Hvà chị Xđã làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất. Ngày 20/01/2020, UBND thành phố H cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 000827, số vào sổ cấp GCN: CH40593 ngày 20/01/2020 mang tên người sử dụng đất bà Lê Thị H đối với thửa đất số 208, tờ bản đồ số 149; địa chỉ: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; diện tích 90,7m^2. Nhà ở và tài sản gắn liền với đất (không thể hiện) nhưng tại trang 3 của GCNQSDĐ - phần III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất cập nhật có công trình nhà b2 và 02 phần công trình của 02 nhà g1 (có 03 công trình gắn liền với đất); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 000828, số vào sổ cấp GCN: CH40594 ngày 20/01/2020 mang tên người sử dụng đất bà Lê Thị X đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 149; địa chỉ: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; diện tích 100,9m^2. Nhà ở và tài sản gắn liền với đất (không thể hiện) nhưng tại trang 3 của GCNQSDĐ - phần III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất cập nhật có 02 phần công trình nhà g1 (02 công trình gắn liền với đất).

Căn cứ lời khai của người làm chứng anh T-chị T, bà T; thông tin về tình trạng của bà Chản trong quá trình điều trị tại Bệnh viện Bãi Cháy từ ngày 27/3/2017 đến ngày 20/4/2017 và riêng ngày 13/4/2017 (ngày bà Chản lập di chúc) thể hiện tại Văn bản số: 1296/BVBC-KHTH ngày 22/10/2020 của Bệnh viện Bãi Cháy (bút lục 307) cùng quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng G như nêu trên đủ cơ sở xác định bà Chản lập di chúc ngày 13/4/2021 tại Văn phòng Công chứng G trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt và hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật; quá trình công chứng di chúc đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Việc ký hay điểm chỉ, điểm chỉ bằng ngón trỏ nào là quyền của người yêu cầu công chứng mà không bắt buộc phải ghi lý do vào văn bản công chứng. Hơn nữa ngày 13/4/2017, trong hồ sơ bệnh án của bà Chản ghi nhận: bệnh nhân tỉnh, đỡ đau đầu, thể trạng kém, còn liệt nhẹ ½ người phải, cơ lực 4/5, đây chính là lý do bà Chản không ký và điểm chỉ bằng tay phải. Do đó, di chúc của bà Chản là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm mở thừa kế theo quy định tại các Điều 4, 5, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 56 của Luật Công chứng năm 2014 và các Điều 627, 628, 630, 631, 635, 636 và 643 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 20/01/2020, chị H và chị X được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất như nêu trên. Việc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho chị Hvà chị Xlà đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 104, Điều 105 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các tài liệu bà Chản xuất trình tại Văn phòng Công chứng G để lập di chúc; căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành ngày 06/10/2020, xét thấy bản di chúc của bà Chản còn có nhiều nội dung không rõ ràng:

- Về phần giao nghĩa vụ cho người thừa kế: bà Chản giao chị X thu tiền thuê của 05 phòng trọ (bà Chản đang cho thuê) để trả nợ Ngân hàng SHB số tiền 110.000.000 đồng, trong khi khoản nợ này người vay là anh Nguyễn Văn L - chị Lê Thị H, bà Chản chỉ là người thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay này.

- Về phần phân định di sản cho từng người thừa kế, cụ thể là phần nhà đất cho con gái Lê Thị H: ngôi nhà 01(một) tầng mới xây nằm trên phần đất được xác định trong Bản đồ khảo sát hiện trạng xin tách thửa đo vẽ tháng 4/2017, cụ thể như sau: Diện tích sử dụng riêng 90,7m^2 (đất ở đô thị 70m^2, đất TCLN 20,7m^2);...Hiện nay, trên phần đất này có ngôi nhà 1 tầng (chưa đăng ký quyền sở hữu)... Sau khi tôi chết, bà Lê Thị H được toàn quyền làm các thủ tục pháp lý cần thiết để cấp GCNQSDĐ đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) được nêu trên. Bà Lê Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt....phần đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) nêu trên.

* Đối với phần giao nghĩa vụ cho người thừa kế, tuy bà Chản chỉ là người thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay cho anh L – chị H nhưng lại xác định là nghĩa vụ của mình và giao cho chị X thực hiện nghĩa vụ này. Sau khi bà Chản chết, chị X đã thực hiện nghĩa vụ theo di chúc của bà Chản, ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản thế chấp của bà Chản, không có ai tranh chấp gì về nội dung này nên không đề cập.

* Đối với phần phân định di sản cho từng người thừa kế:

+ Theo di chúc thì bà Chản cho chị H ngôi nhà 01(một) tầng mới xây nằm trên phần đất được xác định trong Bản đồ khảo sát hiện trạng xin tách thửa đo vẽ tháng 4/2017, là diện tích đất 90,7m^2, hiện nay trên phần đất này có ngôi nhà 01 tầng (chưa đăng ký quyền sở hữu). Sau khi bà Chản chết, chị Hđược toàn quyền làm các thủ tục pháp lý cần thiết để cấp GCNQSDĐ đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất (chưa đăng ký quyền sở hữu) được nêu trên...

+ Tại trang 3 của GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản, là Phần III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của GCNQSDĐ có cập nhật có công trình B2 và G1. Theo quy định tại phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số: 55/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ký hiệu B2 là nhà bê tông 2 tầng và ký hiệu G1 là nhà bằng gạch, đá 01 tầng.

+ Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020, do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đối với phần nhà đất bà Chản phân định cho chị H và chị H đã làm thủ tục và được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO000827 ngày 20/01/2020 mang tên người sử dụng đất bà Lê Thị H, thể hiện:

*Về diện tích đất thửa đất số 208, tờ bản đồ số 149; địa chỉ tại: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là 90,7m^2, không bị chồng lấn lên các thửa đất liền kề; nằm liền kề tiếp giáp với các thửa đất số 52, số 209 và ngõ đi chung diện tích 34,7m^2 của thửa đất số 208 và thửa đất số 209.

*Về tài sản trên đất gồm có 03 ngôi nhà:

=> Nhà ký hiệu b3: là ngôi nhà 03 tầng (bao gồm: 02 tầng, 01 tum liền với sân thượng lợp mái tôn), có diện tích sử dụng là 136,1m^2 nằm trên diện tích đất 36,8m^2 của thửa đất số 208. Ngôi nhà này hiện nay do anh H– chị H đang quản lý sử dụng.

=> Nhà ký hiệu g2: là ngôi nhà có diện tích sử dụng là 61,4m^2 nằm trên diện tích đất 19,3m^2 của thửa đất số 208 và nằm trên diện tích đất 11,4m^2 của thửa đất số 209 (thửa đất số 209 do chị Xđang quản lý sử dụng). Ngày 25/8/2021, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác định lại hiện trạng tài sản tranh chấp, xác định nhà ký hiệu g2 do vợ chồng chị Lê Thị H đang quản lý sử dụng và theo lời khai chị H, chị Xvà anh Hải tại phiên tòa phúc thẩm, thì đây là ngôi nhà của bà Chản được chia từ khi ly hôn năm 2002, là nhà mái bằng nhưng sau khi ly hôn bà Chản xây thêm 1 tầng nữa.

=> 01 phần của nhà ký hiệu g1: là ngôi nhà cấp 4 lợp mái ngói có diện tích 12m^2 nằm trên diện tích đất 1,3m^2 của thửa đất số 208, phần diện tích còn lại của ngôi nhà nằm trên thửa đất số 209 (thửa đất số 209 do chị Xđang quản lý sử dụng).

Như vậy trên quyền sử dụng đất 90,7m^2 (thửa đất số 208) bà Chản định đoạt cho chị Hcó 03 công trình gắn liền với đất nhưng không có công trình ngôi nhà 01 tầng mới xây hay ngôi nhà 01 tầng (chưa đăng ký quyền sở hữu) mà bà Chản định đoạt cho chị H.

Đối với ngôi nhà ký hiệu b3: là ngôi nhà 3 tầng (bao gồm: 02 tầng, 01 tum liền với sân thượng lợp mái tôn), chị H, chị X và anh H– chị H đều thừa nhận được xây dựng từ năm 2012. Từ khi xây dựng xong đến nay, ngôi nhà này do anh H - chị Hquản lý, sử dụng; không thay đổi về kết cấu, không xây mới, sửa chữa gì. Chị H xác định đây là ngôi nhà bà Chản định đoạt cho chị H, còn anh H– chị H xác định đây là ngôi nhà là do anh H– chị H xây, bà Chản chỉ hỗ trợ tiền xây nhà, là ngôi nhà 03 tầng không phải ngôi nhà bà Chản định đoạt cho chị H.

Đối với "**01 phần của nhà ký hiệu g1"**: là ngôi nhà cấp 4 lợp mái ngói có diện tích 12m^2 nằm trên diện tích đất 1,3m^2 của thửa đất 208: Tòa án cấp sơ thẩm xác định do chị X đang sử dụng, chị H và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không xác định ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của ai. Tại phiên tòa phúc thẩm xác định đây là 01 phần của 05 phòng trọ (05 gian nhà cấp 4) xây trên thửa đất số 209, là phần di sản bà Chản phân định cho chị X.

Đối với "**nhà ký hiệu g2**": là ngôi nhà có tổng diện tích sử dụng 61,4m^2 nằm trên diện tích đất 19,3m^2 của thửa đất số 208 và nằm trên diện tích đất 11,4m^2 của thửa đất số 209, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, đánh giá gì về ngôi nhà này trong bản án sơ thẩm. Căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số: 71 ngày 05/11/2001,

Bản án dân sự phúc thẩm số: 03/DSST ngày 24/01/2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ 116729 ngày 28/4/2006 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản, lời khai của chị Htại Tòa án cấp sơ thẩm và lời khai chị H, chị Xvà anh Hải tại phiên tòa phúc thẩm, xác định đây là ngôi nhà của bà Chản được chia từ khi ly hôn năm 2002, là nhà mái bằng nhưng sau khi ly hôn bà Chản xây thêm 1 tầng nữa. Tại bản di chúc ngày 13/4/2017, bà Chản không định đoạt về ngôi nhà này.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm: anh H - chị H không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc anh H– chị H được bà Chản cho đất, anh H– chị H đã bỏ tiền ra xây ngôi nhà 03 tầng, bà Chản chỉ hỗ trợ cho anh H– chị H xây nhà. Cụ thể: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H trình bày:...liên quan đến số tiền theo di chúc mà mẹ tôi ghi là cho vợ chồng tôi 447 triệu đồng, trong đó có 150 triệu đồng cho vợ tôi mở quán, còn lại là cho tôi nhưng không phải tiền mặt mà dùng trang trải xây nhà hết rồi (tại trang 9, 10, 14 của BBPT sơ thẩm);...có nhờ mẹ vay Hội phụ nữ 50 triệu đồng, đã trả 5 triệu đồng (tại trang 19). Chị H trình bày:...mẹ chồng tôi có cho tôi vay 80 triệu đồng để mở tạp hóa (chưa trả) (tại trang 19). Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/6/2021, anh H– chị H không thừa nhận việc đã vay tiền của bà Chản như bà Chản ghi trong bản di chúc. Khi được hỏi căn cứ để anh H yêu cầu chị H thanh toán cho vợ chồng anh H 300 triệu đồng tiền xây nhà?,… anh H trả lời là do anh H muốn giải quyết tình cảm giữa anh chị em và khi được hỏi 300 triệu đồng là tổng số tiền xây nhà hay là tiền anh H góp xây nhà? Anh H trả lời là tiền góp xây nhà. Điều này cho thấy lời khai của anh H– chị H không thống nhất nên không có giá trị để chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị H được mẹ đẻ để lại di sản hợp pháp; ngôi nhà 03 tầng hay ngôi nhà 01 tầng, là cách gọi của từng người ở từng địa phương khác nhau không làm thay đổi bản chất ngôi nhà (như tầng 1 hay tầng trệt, tầng 2 hay lầu 1...) để quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H: buộc anh H và chị H phải trả lại cho chị H ngôi nhà 03 tầng (gồm: 02 tầng và 01 tum có sân thượng lợp mái tôn), có tổng diện tích sử dụng là 136,1 m^2 gắn liền trên diện tích đất 36,8m^2 của thửa đất số 208 diện tích 90,7m^2, tờ bản đồ số 149, tại tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là không có căn cứ; là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ nên đưa ra phán quyết không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và không có tính thuyết phục.

Mặc dù bản di chúc của bà Chản về phần phân định di sản thừa kế cho chị Hlà không rõ ràng như nêu trên nhưng căn cứ vào GCNQSDĐ số CA 692921 mang tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị Chản, tại trang 3- Phần III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất có cập nhật có công trình B2 và G1 và tại trang 5 bản di chúc ngày 13/4/2017 của bà Chản thể hiện nội dung: “Sau ngày giỗ đầu của tôi- Nguyễn Thị Chản, vợ chồng con trai Lê Văn H– Nguyễn Thị H có trách nhiệm thu dọn đồ đạc và bàn giao lại nhà đất cho con gái Lê Thị H”, theo Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về: Giải thích nội dung di chúc thì có căn cứ xác định ngôi nhà bà Chản định đoạt cho chị H là ngôi nhà 03 tầng (02 tầng, 01 tum liền với sân thượng lợp mái tôn), có tổng diện tích sử dụng là 136,1m^2

nằm trên diện tích đất 36,8m^2 của thửa đất số 208, ngôi nhà này do anh H– chị H đang quản lý, sử dụng. Đã qua giỗ đầu của bà Chản mà anh Hải- chị Hương bàn giao lại nhà đất cho chị H theo di chúc của bà Chản nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc anh H– chị H trả ngôi nhà này cho chị H sở hữu, sử dụng. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh H– chị H cũng như quan điểm bảo vệ của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về phần nội dung.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn còn có quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không thể khắc phục được, đề nghị hủy án sơ thẩm như nêu trên.

- Đối với nội dung xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn: căn cứ vào tài liệu chứng cứ, quan điểm của các đương sự, xét thấy bà Chản lập di chúc định đoạt tài sản cho chị H, khi công bố di chúc anh H– chị H phản đối nhưng không khởi kiện; chị H thực hiện di chúc, đã khai nhận di sản và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu gắn liền với đất được hưởng theo di chúc; đã qua ngày giỗ đầu bà Chản mà anh H– chị H không bàn giao lại nhà đất cho chị Htheo nội dung di chúc nên chị H có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Kiện đòi nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất"* là có căn cứ; đối với yêu cầu kiện đòi nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, không thuộc loại tranh chấp phải qua hòa giải cơ sở. Tại bản tự khai ngày 28/7/2020 (bl 156-159), bị đơn anh H– chị H có quan điểm không công nhận di chúc của bà Chản, yêu cầu hủy bỏ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Hvà chị X; tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 (bl 160-165), bị đơn anh H– chị H có quan điểm yêu cầu hủy bản di chúc của bà Chản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị H và chị X. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho anh H– chị H có yêu cầu phản tố thì phải có đơn gửi Tòa án trước khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải...nhưng anh H– chị H không có đơn phản tố.

- Đối với nội dung đơn khởi kiện chị Hyêu cầu anh H– chị H trả lại ngôi nhà 1 tầng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Buộc anh H– chị H trả lại chị H ngôi nhà 03 tầng, vậy chị Hthay đổi yêu cầu khởi kiện đòi ngôi nhà 03 tầng từ lúc nào và tại phiên tòa phúc thẩm lại đòi nhà mới xây (02 tầng, 01 tum), xét thấy: ngày 06/11/2020, chị H có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện về việc buộc anh H– chị H trả lại chị Hngôi nhà 3 tầng (bl 361), yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị H là không vượt quá yêu cầu khởi kiện, đã được tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại phiên họp ngày 09/11/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm là đã đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận quan điểm bảo vệ của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với những nội dung trên.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Kiện đòi nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất"* nên không xác định và không đưa Văn

phòng Công chứng G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự như đã phân tích nhận định tại mục [1], Tòa án cấp phúc thẩm xác định và đưa Văn phòng Công chứng G tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Văn phòng Công chứng G đồng ý nên đã khắc phục vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần tố tụng.

[3] *Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh:*

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp như đã phân tích tại phần xét kháng cáo của bị đơn. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Tranh chấp kiện đòi tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất"* là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5; Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật: anh H - chị H quản lý, sử dụng ngôi nhà 03 tầng là do bà Chản khi còn sống cho ở nhờ. Tuy nhiên, sau khi bà Chản chết, chị Hđược sở hữu nhà đất do được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Chản. Chị Hđã làm thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau ngày giỗ đầu bà Chản, anh H– chị H không bàn giao lại nhà đất cho chị Htheo nội dung di chúc của bà Chản. Việc sau ngày giỗ đầu của bà Chản mà anh Hải- chị Hương vẫn quản lý sử dụng nhà đất là không có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, sử dụng không có căn cứ pháp luật là phù hợp.

Về án phí: theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H - chị H trả lại chị H ngôi nhà 03 tầng. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị H nhưng lại tuyên anh H– chị H liên đới chịu chung một mức án phí sơ thẩm không giá gạch là 300.000 đồng là không phù hợp, vi phạm Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy: căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản tranh chấp của ai, không xem xét giá trị tài sản tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26; điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H - chị Hchịu chung mức án phí 300.000 đồng là phù hợp, vì bị đơn anh H - chị Hlà vợ chồng, đang cùng nhau chiếm giữ tài sản mà chị H khởi kiện đòi.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận các nội dung kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc anh H - chị H trả lại cho chị H ngôi nhà 03 tầng nhưng không xác lập quyền sử dụng đất gắn liền với ngôi nhà cho chị Hlà thiếu sót. Như đã phân tích, đánh giá tại phần xét kháng cáo của bị đơn về nội dung

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ nên đưa ra phán quyết không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và không có tính thuyết phục. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về nội dung nên chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[4] Đối với diện tích 1,3m^2 của **"nhà ký hiệu g1"** nằm trên thửa đất số 208, anh H– chị H không tranh chấp, chị H và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với "**nhà ký hiệu g2**" có tổng diện tích 61,4m^2 nằm trên diện tích đất 19,3m^2 của thửa đất số 208 và nằm trên diện tích đất 11,4m^2 của thửa đất số 209 (thửa đất số 209 là của chị Lê Thị X được hưởng theo di chúc của bà Chản), hiện nay vợ chồng chị H đang quản lý, sử dụng. Đây là di sản thừa kế của bà Chản. Tại bản di chúc ngày 13/4/2017, bà Chản chưa định đoạt tài sản này nên tạm giao cho chị H, chị X và anh Hải quản lý, sử dụng. Nếu ai có yêu cầu chia tài sản thừa kế thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26; điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H– chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020 (đã nộp đủ).

[7] Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều luật về thời hiệu khởi kiện trong khi các đương sự không có yêu áp dụng thời hiệu khởi kiện là không cần thiết. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H về phần tố tụng; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số: 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H

tỉnh Quảng Ninh về phần nội dung. Sửa Bản án sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 68; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 148; Điều 157; Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 105; 107; 158; 164; 166; 627; 628; 630; 631; 635; 636; 643 và 648 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 4; 5; 41; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 48 và 56 Luật Công chứng. Các Điều 4; 5; 6; 9 và 10 Luật Nhà ở năm 2014. Điều 104; Điều 105; Điều 106; Khoản 7 Điều 166; Điều 188; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 26; điểm a Khoản 2 Điều 27 và Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

2. Buộc anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Lê Thị H ngôi nhà 03 tầng (gồm 02 tầng, 01 tum có sân thượng lợp mái tôn), diện tích sử dụng là 136,1m^2 gắn liền với diện tích đất 36,8m^2 của thửa đất số 208, tờ bản đồ số 149, diện tích 90,7m^2; địa chỉ: tổ 2, khu 7, phường Bãi Cháy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 000827 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/01/2020 mang tên người sử dụng đất bà Lê Thị H; vị trí: phía Bắc giáp đất của ông Lê Xuân Đà; phía Nam giáp ngõ chung; phía Đông giáp phần 01 phần ngôi nhà ký hiệu g2; phía Tây giáp ngõ xóm.

3. Tạm giao cho chị Lê Thị H, anh Lê Văn H và chị Lê Thị X quản lý, sử dụng 01 phần "ngôi nhà ký hiệu g2" (phần ngôi nhà này nằm trên diện tích đất 19,3m^2 của thửa đất số 208 thuộc quyền sử dụng của chị Lê Thị H). Nếu ai có yêu cầu chia thừa kế thì giải quyết bằng vụ án khác.

4. Đối với 01 phần "ngôi nhà ký hiệu g1**"** (phần ngôi nhà này nằm trên diện tích đất 1,3m^2 của thửa đất số 208), anh H– chị H không tranh chấp, chị H và chị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

(Toàn bộ kích thước, diện tích ngôi nhà, các phần ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 208 được mô tả chi tiết theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 06/10/2020 kèm theo Bản án và đây là phần không tách rời của Bản án này).

5. Về án phí:

Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh Hải đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003269 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại cho anh H - chị H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp tại

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003268 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho chị Lê Thị H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002694 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/10/2020 (đã nộp đủ).

Bán án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TA, THADS thành phố Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, lưu hồ sơ vụ án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng **Phạm Thị Hương Giang** **Nguyễn Thúy Hằng**

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng **Phạm Thị Hương Giang** **Nguyễn Thúy Hằng**